

Bản án số: 54/2019/HSST
Ngày: 11/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Bắc** và ông **Lê Văn Cư**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/HSST-QĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Mạnh H**, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu cư trú: Thôn XN, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Bùi Văn Ch (Đã chết), con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba. Tiền sự: Chưa; Tiền án: Bản án số 89/2016/HSST ngày 14/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 14 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (Ra trại ngày 31/3/2017). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019, chuyển tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi-Công an tỉnh Hải Dương.

* *Người bị hại:* Ông **Vũ Kim Kh**, sinh năm 1968

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại số 4/25 phố AT, phường BH, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964;

Cư trú tại: Số 291 Nguyễn Thị D, phường VH, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962

Nơi đăng ký hộ khẩu cư trú: Thôn XN, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Mạnh H đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 03 giờ ngày 06/01/2019 H đi xe máy nhãn hiệu Detech, màu nâu, biển số: 34L2-51xx (xe mượn của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ H) đến Thành phố H mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 03h30phút cùng ngày, H đi đến nhà đang xây ở lô số 14L3 khu đô thị Lê Thanh N, phường HT, thành phố H thì phát hiện trên vỉa hè trước cửa nhà có để một số tấm sắt dùng để ghép mái, đồ trần; là tài sản của ông Vũ Kim Kh ở số nhà 4 ngõ 125 AT, phường BH, thành phố H chủ thầu xây dựng. Thấy không có ai trông coi, H bê 06 tấm sắt lên xe máy, chở đến cửa hàng mua bán phế liệu của bà Nguyễn Thị X ở số nhà 291 Nguyễn Thị D, phường VH, thành phố H, bán cho chị X được 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng chẵn*). Đến khoảng 03h30phút ngày 07/01/2019, H tiếp tục điều khiển xe máy đến ngôi nhà trên để trộm cắp tài sản. Thấy các tấm sắt vẫn để ở ngoài vỉa hè, H lấy 09 tấm sắt và chở đến cửa hàng mua bán phế liệu của bà Nguyễn Thị X bán được 580.000đồng (*Năm trăm tám mươi ngàn đồng*). Số sắt mua của H, bà X đã bán cho khách không xác định tên, địa chỉ người mua mất 02 tấm cùng với sắt vụn trong cửa hàng của bà X. Tiếp đó, đến khoảng 03h30 phút ngày 08/01/2019, H tiếp tục điều khiển xe máy quay lại ngôi nhà trên. H lấy được 06 tấm sắt để lên xe máy chở đi, khi chở đến đường Nguyễn Thị D, phường VH, thành phố H thì bị lực lượng Công an phường Việt Hòa kiểm tra phát hiện, thu giữ 06 tấm sắt và 01 xe máy nhãn hiệu Detech, màu nâu, biển số: 34L2-51xx.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thành phố H kết luận: Giá trị của 21 tấm sắt = 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Về vật chứng: Ngày 08/01/2019 bà Nguyễn Thị X đã tự nguyện giao nộp 13 tấm sắt đã mua của H cho Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H; Ngày 01/3/2019 Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã trả lại cho người bị hại là ông Vũ Kim Kh nhận tổng số 19 tấm sắt; 02 tấm không thu hồi được; đồng thời, trả lại cho bà Nguyễn Thị N là chủ sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Detech, màu nâu, biển số 34L2-51xx.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Kim Kh đã nhận lại tài sản là 19 tấm sắt, còn 02 tấm sắt không thu hồi được ông Kh xác định cho bị cáo và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Bà Nguyễn Thị X xác định cho bị cáo toàn bộ số tiền bà đã bỏ ra mua 13 tấm sắt của H và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như của mình. Người bị hại xác nhận đã nhận lại tài sản là 19 tấm sắt, còn 02 tấm sắt không thu hồi được tự nguyện cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Bà Nguyễn Thị X cũng xác định cho bị cáo toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua những tấm sắt của bị cáo và tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSNDTPHD ngày 18/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Bùi Mạnh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Mạnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh H từ 09 (*Chín*) đến 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 08/01/2019; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường (BL 40-49), phù hợp với lời khai người bị hại (BL 50-53), người làm chứng (BL 54-57, 69) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Bùi Mạnh H đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2019 đến ngày 08/01/2019 tại công trình xây

dựng nhà ở số 14L3 khu dân cư Lê Thanh N, phường HT, Thành phố H, lợi dụng sơ hở H đã chiếm đoạt của ông Vũ Kim Kh ở số 4/125 AT, phường BH, thành phố H (chủ thầu xây dựng) 21 tấm sắt kích thước khác nhau dùng ghép mái nhà. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo phạm tội và bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nay lại phạm tội cùng loại, mặc dù lần này bị cáo trộm cắp tài sản trị giá dưới mức định lượng nhưng xác định bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Trong một thời gian ngắn từ ngày 06/01/2019 đến ngày 08/01/2019 bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản của ông Kh. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. HĐXX áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại xác định đã nhận lại tài sản, 02 tấm sắt không thu hồi được, tự nguyện cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự. Bà Nguyễn Thị X tự nguyện cho bị cáo toàn bộ số tiền bà đã bỏ ra mua sắt của H và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về những vấn đề khác*: Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Detech, màu nâu, biển số 34L2-51xx là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, bà N không

biết H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT-Công an thành phố H trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp qui định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Mạnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh H **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 08/01/2019.

2. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (ông Kh) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố H;
- VKSND Tỉnh Hải Dương;
- Công an Thành phố H;
- Trại giam Kim Chi-Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên